

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH
Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 28-03-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Nhật.

Ông Vương Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 03 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Thị P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1976 tại: Xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Chảo, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ học vấn : 7/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Có bố là: Hà Văn Xi (đã chết) và có mẹ là Nguyễn Thị Năm (đã chết); Có chồng là Lưu Văn Năm sinh năm 1974 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Gia đình bị cáo có 8 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 7 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2023 cho đến nay, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Quách Thị M; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1974 tại: Xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm Bình Tân, xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ học vấn : 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Có bố là Quách Công Sinh (đã chết) và có mẹ là Quách Thị Thím (đã chết); có chồng là Bùi Văn Hung, sinh năm 1967 và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm

2011; Gia đình bị cáo có 6 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Ngày 22/01/2019 chấp hành xong án phạt tù; Ngày 04/11/2021, bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu Trà Lĩnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2023 cho đến nay, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Quách Thị M: Bà **Phùng Thị Thoa** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Quách Thị Mạnh**, sinh năm 1986, ĐT: 0866 012 554. Trú tại: Xóm Khương, xã Bình Hẻm, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh **Trần Văn Lân**, sinh năm 1989. ĐT: 0339 8586926. Trú tại: Thôn Cáp Thủy, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh **Lưu Văn Năm**, sinh năm 1974 (chồng bị cáo P). ĐT: 0339 397 055. Trú tại: Thôn Chảo, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, Quách Thị M, sinh năm 1974, trú tại xóm Bình Tân, xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình đi làm tại tỉnh Bắc Ninh có quen biết Trần Văn Lân, sinh năm 1989, trú tại thôn Cáp Thủy, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh và người đàn ông tên Tài ở tỉnh Thái Nguyên. Quá trình nói chuyện Tài cho biết đã đi sang Trung Quốc lao động, nên M có hỏi công việc làm gì, thì Tài bảo làm ván ép, nếu muốn đi thì Tài cho số điện thoại của Hà Thị P, sinh năm 1976, trú tại thôn Chảo, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau đó M gọi điện thoại cho P, nói muốn đi sang Trung Quốc lao động, P nói chi phí hết 3000 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc, viết tắt là NDT, khoảng 10.000.000 đồng tiền Việt Nam), không phải làm thủ tục, giấy tờ gì, công việc làm ván ép, lương tháng trung bình khoảng 3800 - 4500 NDT tùy theo sản phẩm làm được, mỗi tháng phải đưa cho P 100 NDT (khoảng 330.000

đồng tiền Việt Nam) là tiền hoa hồng, môi giới việc làm, nếu đi thì liên hệ trước một hoặc hai ngày để P bố trí, sắp xếp việc đưa sang San Hi, thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc để làm việc.

Lần 1: Vào khoảng tháng 5/2020, sau khi M liên hệ và thỏa thuận với P như trên. M nói với Lân là muốn đi lao động ở Trung Quốc, Lân bảo là muốn đi cùng. Do chưa chuẩn bị đủ tiền để đi, nên M liên hệ và xin P cho nợ một phần, khi làm có lương sẽ trả sau theo hàng tháng, P đồng ý. Cũng trong thời điểm đó, có người đàn ông tên Lữ, người ở tỉnh Yên Bái gọi điện thoại cho P muốn đi sang xưởng làm việc nên P đã cho Lữ số điện thoại của M để Lữ liên lạc và cùng đi với nhau. Theo hướng dẫn của P, M cùng Lân đón xe khách từ huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh đến Hà Nội, ở bến xe khách M có gặp Lữ, sau đó cả ba người (M, Lân, Lữ) đón xe khách đi tỉnh Cao Bằng, đến nơi M gọi điện thoại cho P thì P bảo chờ ở đó có người ra đón. Do Lữ đã cùng đi làm thuê với P ở Trung Quốc từ trước, thường xuyên đi về Việt Nam và biết các nhà xe ở các tỉnh biên giới nên sau khi M điện thoại thông báo đã đến bến xe khách Cao Bằng thì P điện thoại cho Lữ nói nếu đã biết đường và các nhà xe ở đó thì liên hệ để đi sang và cho M và Lân đi cùng, Lữ đồng ý. Một lúc sau có một người phụ nữ ra đón, đưa M, Lân và Lữ đến một nhà trọ. Sau khi ăn tối xong M, Lân và Lữ được hai người đàn ông Việt Nam bảo lên xe và đi đến khu vực biên giới thuộc địa phận xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng rồi vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Khi đến địa phận Trung Quốc thì gặp một người đàn ông Trung Quốc dẫn ra ô tô để đi đến xưởng nơi P đang làm. Khi đến xưởng M có điện thoại cho P, sau đó P ra đón trả số tiền 3000 NDT cho nhà xe (chi phí đi đường mà M đã xin nợ từ trước, còn chi phí của Lữ thì Lữ tự chi trả), sau đó P xin với quản lý xưởng cho M, Lân, Lữ vào làm việc và bố trí chỗ ăn, ở tại xưởng. Làm tại đây được khoảng 02 tháng thì M và Lân trả hết số tiền còn nợ P, ngoài ra mỗi tháng mỗi người phải đưa cho P 100 NDT là tiền hoa hồng, môi giới việc làm (trả bằng tiền mặt sau khi lấy lương). Làm ở đây đến khoảng tháng 11/2020 thì M và Lân về Việt Nam.

Lần 2: Sau khi về Việt Nam vào khoảng tháng 11/2020, M liên hệ, gặp gỡ và rủ Quách Thị Mạnh, sinh năm 1986, trú tại xóm Khương, xã Bình Hẻm, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (Mạnh gọi M là dì) đi sang Trung Quốc lao động, công việc là làm ván ép nhưng Mạnh không đồng ý. Đến khoảng đầu năm 2021, M tiếp tục liên lạc rủ Mạnh đi sang Trung Quốc lao động, do chưa có công việc ổn định nên Mạnh đã đồng ý. M nói chi phí đi hết 5000 NDT (khoảng 16.000.000đ tiền Việt Nam), nhưng Mạnh bảo là không có tiền thì M nói sẽ cho vay, sang bên đó làm có lương thì trả lại. Mạnh đồng ý.

Khoảng giữa tháng 4/2021, như đã hẹn, Mạnh đón xe khách từ huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình đi đến xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Tại

đây Mạnh gặp M và Lân, sau đó cùng ăn tối. Trong quá trình ăn tối, Mạnh nói với M là chưa có tiền để đi, lúc này M gọi điện thoại cho P và nói là có đưa cháu đi cùng nhưng chưa có tiền, nếu P đứng ra bảo lãnh và ứng tiền cho Mạnh thì cả ba người (M, Lân, Mạnh) cùng đi, nếu không được thì không đi nữa. Nghe vậy, P đồng ý. Sau khi điện thoại cho P, M nói với Mạnh và Lân là P ở bên kia (Trung Quốc) đã đồng ý trả tiền đi sang Trung Quốc cho Mạnh. Sau đó, M tiếp tục gọi điện thoại cho P rồi đưa máy cho Mạnh trực tiếp nói chuyện với P thỏa thuận về việc ứng tiền để đi sang Trung Quốc, Mạnh nói chuyện và được P đồng ý, sau đó M, Lân, Mạnh nghỉ lại một đêm. Sáng hôm sau, cả ba người đón xe khách từ Bắc Ninh đi đến thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và ở nhà nghỉ Bách Tùng thuộc khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình một đêm. Tại đây cả ba người lại gặp Lữ và một người nữa Lữ giới thiệu là em rể của Lữ. Đến sáng hôm sau, cũng giống như lần trước, M điện thoại cho P, sau đó P điện thoại cho Lữ nói Lữ liên hệ người đến đón để đi sang Trung Quốc, vì trước đó P đã điện thoại bảo Lữ tự liên hệ đi và sẽ đón ở Trung Quốc. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày có một người đàn ông lái xe ô tô đến đưa M, Mạnh, Lân, Lữ và em rể của Lữ đến một đường mòn gần khu vực Cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó có một người đàn ông Việt Nam đến đón và đưa M, Mạnh, Lân, Lữ và em rể của Lữ đi theo đường mòn đến hàng rào sắt khu vực biên giới, người đàn ông này bảo mọi người trèo qua hàng rào để sang địa phận Trung Quốc. Khi sang địa phận Trung Quốc thì có 01 người đàn ông Trung Quốc đón, đi bộ khoảng 01 giờ đồng hồ thì lên xe ô tô đi tiếp. Trong quá trình di chuyển lái xe đòi tiền của Mạnh là 5000 NDT, Mạnh không có nên lái xe yêu cầu xuống xe, M bảo Lân ứng ra trước 2000 NDT trả tiền xe cho Mạnh, do lái xe cương quyết đòi tiền nên M bảo lái xe gọi điện thoại cho P, P nói với lái xe cứ cho họ đến xưởng thì P sẽ trả nốt số tiền 3000 NDT tiền xe của Mạnh thì lái xe mới đồng ý đi tiếp. Xe đi được khoảng ba tiếng đồng hồ thì đến nhà của người lái xe, sau đó tất cả mọi người ngủ lại qua đêm. Sáng hôm sau tiếp tục lên xe đi đến khoảng trưa cùng ngày thì đến xưởng sản xuất gỗ ép. P ra đón và trả cho lái xe số tiền 3000 NDT. Sau đó P cũng dẫn M, Mạnh, Lân vào xin việc và bố trí chỗ ăn, ở như lần trước. Về số tiền môi giới xin việc lần này P yêu cầu M và Lân trả cho P 50 NDT/tháng. Còn Mạnh sang lần đầu nên phải trả cho P 100 NDT mỗi tháng. Ngoài ra trong thời gian Mạnh lao động tại Trung Quốc, Mạnh đã trả đủ cho P số tiền (3000 NDT) và M số tiền (2000 NDT) là tiền Mạnh nợ khi sang Trung Quốc lao động. Sau khi trả nợ xong thì Mạnh đi lao động ở xưởng khác và đến tháng 5/2023 trở về Việt Nam. Tháng 10/2021, M và Lân về Việt Nam thì bị cơ quan chức năng Trung Quốc bắt giữ, cách ly đến ngày 04/11/2021 thì được trao trả về Việt Nam thông qua Cửa khẩu Trà Lĩnh, thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) căn cước công dân số 017174011031, mang tên Quách Thị M.
- 01 (một) điện thoại di động của Quách Thị M, nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 11, màu xanh ngọc, lắp sim số 0388.928.349.
- 01 (một) điện thoại di động của Hà Thị P, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21 FE 5G, màu xanh lá, lắp sim số 0379.467.502 và 0359.347.074.
- Tiền Việt Nam: 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Hà Thị P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận phù hợp với toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Hà Thị P về tội Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự; truy tố Quách Thị M về tội Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Trình bày lời luận tội tại phiên tòa , đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình; phân tích tính chất , mức độ, hậu quả của hành vi do các bị cáo thực hiện, nhân thân của các bị cáo; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ; đề nghị:

Về tội danh và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hà Thị P từ 05 đến 06 năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Quách Thị M từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Hà Thị P số tiền 1700 NDT tương đương 4.173.698 VNĐ tiền thu lời bất chính do bị cáo phạm tội mà có, xác nhận bị cáo P đã nộp số tiền 5 triệu đồng, nay trừ đi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Của bị cáo M 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 11, màu xanh ngọc lắp sim số 0388.928.349; của bị cáo P 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21 FE 5G, màu xanh lá lắp sim số 0379 467 502 và 0359 347 074.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 4.173.698 đồng là số tiền bị cáo P thu lời bất chính.

- Trả lại bị cáo M 01 căn cước công dân; Trả lại bị cáo P số tiền 826.302 đồng là tiền thừa mà bị cáo đã nộp sau khi tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo M: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh , điều luật, khoản truy tố . Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều **Bộ luật hình sự**: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con còn nhỏ đang tuổi đến trường. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân đúng như cáo trạng đã truy tố, bị cáo P tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính số tiền 1700 NDT tương đương 4.173.698 VNĐ. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, căn cứ biên bản ghi lời khai, bản tự khai, biên bản hỏi cung các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Hà Thị P và Quách Thị M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người đi lao động tại nước ngoài, nhưng vì coi thường pháp luật nên các bị cáo đã có hành vi tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài.

Bị cáo Hà Thị P là người tổ chức, bố trí cho người lao động vượt biên giới trái phép; tiếp nhận và môi giới xin việc làm để hưởng lợi số tiền hoa hồng môi giới việc làm, được thể hiện ở hai lần phạm tội. Lần 1: Khoảng tháng 5/2020, Hà Thị P đã tổ chức, môi giới cho Quách Thị M và Trần Văn Lân trốn đi Trung Quốc lao động. Lần 2: Khoảng tháng 4/2021, Hà Thị P đã tổ chức, môi giới cho Quách Thị M, Trần Văn Lân và Quách Thị Mạnh trốn đi Trung Quốc lao động. Bị cáo Hà Thị P đã hưởng lợi bất chính số tiền 1700 NDT tương đương 4.173.698 VNĐ (*bốn triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng*)

Bị cáo Quách Thị M là người rủ rê Quách Thị Mạnh và gọi điện cho Hà Thị P để liên hệ, xin nợ tiền cho Mạnh sang Trung Quốc vào tháng 4/2021.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hà Thị P đã phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo Quách Thị M đã phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định trật tự quản lý hành chính của Nhà Nước, xâm phạm đến hoạt động xuất nhập cảnh của cơ quan Nhà Nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới của Tổ quốc. Xét các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, hiểu biết pháp luật, các bị cáo đã bất chấp coi thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo P có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kết án về tội danh nào khác. Bị cáo M: Ngày 09/8/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Ngày 22/01/2019 chấp hành xong án phạt tù; Ngày 04/11/2021, bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu Trà Lĩnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”.

4.2. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

** Về tình tiết tăng nặng:* Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

** Về tình tiết giảm nhẹ:*

+ *Đối với bị cáo P:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính; bị cáo có đơn xin đầu thú về hành vi phạm tội; có thành tích xuất sắc trong việc giữ gìn và đảm bảo an ninh trật tự trong vụ thu hoạch vải thiều năm 2022, 2023 và thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất năm 2022 được UBND xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận; Bị cáo là người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con còn nhỏ đang tuổi đến trường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ *Đối với bị cáo M:* Quá trình điều tra và truy tố bị cáo không thừa nhận hành vi tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ cận nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương, có con còn nhỏ đang tuổi đến trường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thị P là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Quách Thị M là nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nhằm khắc tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

Đối với số tiền 1700 NDT tương đương 4.173.698 VNĐ bị cáo Hà Thị P hưởng lợi từ việc môi giới xin việc cho người lao động vào làm việc tại Trung Quốc. Xét số tiền trên bị cáo P hưởng lợi bất chính từ việc phạm tội, trong quá trình điều tra bị cáo P chủ động nộp 5 triệu đồng để khắc phục nên cần tịch thu của bị cáo P số tiền 4.174.000 VNĐ để sung vào ngân sách Nhà Nước. Đối với số tiền còn thừa $5.000.000đ - 4.174.000đ = 826.000đ$ (*tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) cần trả lại bị cáo P.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Do các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Trong quá trình điều tra thu giữ:

- 01 căn cước công dân mang tên Quách Thị M. Xét đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo M nên cần trả lại bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 11, màu xanh ngọc, lắp sim số 0388.928.349 thu giữ của bị cáo M và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21 FE 5G, màu xanh lá, lắp sim số 0379.467.502, 0359.347.074 thu giữ của P. Xét 02 chiếc điện thoại trên các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Tiền Việt Nam: 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) do anh Lưu Văn Năm là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nộp trong quá trình điều tra. Xét anh Lưu Văn Năm không yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền 5 triệu đồng anh Năm đã nộp thay cho bị cáo P. Nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] Về nội dung khác của vụ án:

Đối với Trần Văn Lân và Quách Thị Mạnh: Sau khi về Việt Nam đã bị các cơ quan chức năng có liên quan xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm các thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý trong vụ án này. Nên Tòa không đề cập giải quyết.

Đối với người đàn ông tên Lữ ở tỉnh Yên Bái và em rể của Lữ và những đối tượng đưa đón người qua biên giới trái phép, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi nào đủ căn cứ sẽ đề xuất xử lý sau. Nên Tòa không đề cập giải quyết.

[8]. Về án phí: Bị cáo Hà Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Gia đình bị cáo Quách Thị M thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên miễn án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho bị cáo M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Thị P phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hà Thị P 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 29/9/2023.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quách Thị M phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Quách Thị M 24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/9/2023.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ Cửa bị cáo Hà Thị P số tiền thu lời bất chính 4.174.000 đồng (*bốn triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*). Xác nhận bị cáo Hà Thị P đã nộp 5.000.000 đ (*năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0002614 ngày 28 tháng 03 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình, nay được trừ đi. Trả lại bị cáo Hà Thị P số tiền 826.000.000đ (*tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

+ Cửa bị cáo Quách Thị M 01 điện thoại di động: Trong 01 phong bì niêm phong dán kín, một mặt có ghi: “Điện thoại di động Quách Thị M”. Trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ niêm phong của Cơ quan An Ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình.

+ Cửa bị cáo Hà Thị P 01 điện thoại di động: Trong 01 phong bì niêm phong dán kín, một mặt có ghi: “Điện thoại di động Hà Thị P”. Trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ niêm phong của Cơ quan An Ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình.

- Trả lại bị cáo Quách Thị M 01 thẻ căn cước công dân số: 017174011031, mang tên Quách Thị M, cấp ngày 16/10/2022, nơi cấp: Cục CS.QLHS về TTXH Bộ công an.

(Tình trạng vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng số 23/BB-GNVC ngày 20 tháng 03 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hoà Bình và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình).

[4] Về án phí : Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hà Thị P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quách Thị M.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *TAND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cơ quan CSĐT CA tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Hòa Bình;*
- *Các Bị cáo và Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Đoàn